

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Hàng hải Việt Nam trực thuộc Bộ Giao thông vận tải

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Cục Hàng hải Việt Nam là cơ quan trực thuộc Bộ Giao thông vận tải, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quản lý nhà nước chuyên ngành hàng hải và thực thi nhiệm vụ quản lý nhà nước về hàng hải trong phạm vi cả nước.

2. Cục Hàng hải Việt Nam có tư cách pháp nhân, có con dấu hình Quốc huy, được hưởng kinh phí từ ngân sách nhà nước cấp, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và có trụ sở chính tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Chủ trì xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải chiến lược, quy hoạch, kế hoạch dài hạn và hàng năm, các chương trình, dự án quốc gia, các đề án phát triển thuộc ngành hàng hải trong phạm vi cả nước.

2. Chủ trì xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải các dự án luật, pháp lệnh, các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về hàng hải.

3. Chủ trì xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và định mức kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành hàng hải, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành theo thẩm quyền hoặc đề Bộ trưởng trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, công bố; tổ chức xây dựng và thẩm định, công bố tiêu chuẩn cơ sở chuyên ngành hàng hải.

4. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, quy phạm và định mức kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành hàng hải được cấp có thẩm quyền ban hành, công bố hoặc phê duyệt; quy định việc áp dụng cụ thể một số tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật, nghiệp vụ đối với các tổ chức, đơn vị hoạt động trong lĩnh vực hàng hải phù hợp với pháp luật về hàng hải và thẩm quyền quản lý, điều hành của Cục.

5. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật về hàng hải.

6. Về quản lý cảng biển, luồng hàng hải, các khu neo đậu tàu biển, quản lý quy hoạch xây dựng cơ sở sửa chữa và đóng mới tàu thuyền:

a) Tổ chức quản lý hoạt động hàng hải tại cảng biển;

b) Tổ chức giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch xây dựng cảng biển, luồng hàng hải, các khu neo đậu, sửa chữa và đóng mới tàu thuyền phù hợp với quy hoạch được phê duyệt và bảo đảm an toàn hàng hải;

c) Thực hiện quản lý kết cấu hạ tầng cảng biển, luồng hàng hải được giao quản lý; tổ chức đấu thầu cho thuê khai thác bến cảng, cầu cảng được giao quản lý theo quy định của pháp luật;

d) Trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố đóng, mở cảng biển, công bố vùng nước cảng biển, luồng hàng hải và khu vực quản lý của cảng vụ hàng hải;

đ) Quyết định đưa cầu cảng, bến cảng, khu chuyển tải vào sử dụng theo quy định của pháp luật.

7. Về quản lý tàu biển, thuyền viên, hoa tiêu và nguồn nhân lực hàng hải khác:

a) Xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành hoặc Bộ trưởng trình Chính phủ ban hành quy định về đăng ký, quản lý mua bán tàu biển, chức danh, tiêu chuẩn chức danh thuyền viên và định biên của tàu biển Việt Nam;



b) Tổ chức đăng ký tàu biển, thuyền viên theo quy định của pháp luật;

c) Thực hiện việc cấp, thu hồi chứng chỉ chuyên môn, hộ chiếu thuyền viên, sổ thuyền viên và các giấy tờ khác có liên quan đến hoạt động hàng hải theo quy định của pháp luật;

d) Tổ chức đào tạo, huấn luyện thuyền viên, hoa tiêu hàng hải, sỹ quan an ninh cảng biển và các nguồn nhân lực hàng hải khác theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

8. Về vận tải biển và dịch vụ hàng hải:

a) Xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về phát triển vận tải biển, dịch vụ hỗ trợ vận tải biển, điều kiện kinh doanh dịch vụ vận tải biển;

b) Hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về vận tải biển và dịch vụ hàng hải;

c) Tổ chức thực hiện việc thống kê, nghiên cứu, dự báo phát triển hàng hải và đánh giá chất lượng dịch vụ hàng hải.

9. Về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường:

a) Xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải; tham gia xây dựng các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường trong lĩnh vực hàng hải;

b) Tổ chức thực hiện bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động tại cảng biển, luồng hàng hải và các vùng biển Việt Nam theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức thực hiện việc báo cáo, điều tra, xử lý tai nạn hàng hải và các hành vi vi phạm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải theo quy định của pháp luật và điều ước quốc tế liên quan mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập;

d) Phối hợp với các cơ quan chức năng trong việc phòng ngừa ô nhiễm môi trường tại cảng biển và luồng hàng hải;

đ) Là đầu mối tham gia với Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm Cứu nạn; tổ chức thực hiện phối hợp tìm kiếm và cứu nạn trên biển theo quy định của pháp luật;

e) Quản lý hệ thống thông tin hàng hải, báo hiệu hàng hải và các hệ thống hỗ trợ hàng hải khác; tổ chức cung cấp các tài liệu và thông tin nhằm bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải theo quy định của pháp luật;

g) Tổ chức phê duyệt kế hoạch an ninh cảng biển Việt Nam theo quy định của pháp luật và các điều ước quốc tế liên quan mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập;

h) Tổ chức tiếp nhận, truyền phát thông tin an ninh hàng hải theo quy định của pháp luật.

10. Về quản lý dự án đầu tư xây dựng:

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quyết định đầu tư, chủ đầu tư đối với các dự án được giao quản lý theo phân cấp; xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành hoặc đề Bộ trưởng trình cơ quan có thẩm quyền ban hành quy định về đầu tư xây dựng, quản lý khai thác cảng biển, luồng hàng hải và quản lý hoạt động hàng hải tại cảng biển Việt Nam.

11. Tham gia giải quyết tranh chấp, khiếu nại về hàng hải; tổ chức xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải theo quy định của pháp luật.

12. Xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt chương trình, kế hoạch hợp tác quốc tế về hàng hải hoặc đề Bộ trưởng trình cơ quan có thẩm quyền phê chuẩn đề xuất việc ký kết hoặc gia nhập các điều ước quốc tế về hàng hải; chủ trì xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải dự thảo thoả thuận quốc tế về hàng hải; tham gia đàm phán để trình cơ quan có thẩm quyền ký kết, gia nhập các điều ước quốc tế, các tổ chức quốc tế về hàng hải; tổ chức thực hiện các điều ước quốc tế, thoả thuận quốc tế và hợp tác quốc tế về hàng hải theo phân cấp quản lý; là đầu mối quan hệ với các tổ chức hàng hải quốc tế.

13. Tổ chức thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực hàng hải; xây dựng, triển khai các chương trình, dự án ứng dụng công nghệ thông tin; xây dựng cơ sở dữ liệu, dịch vụ thông tin phục vụ công tác quản lý và khai thác trong lĩnh vực hàng hải.

14. Hướng dẫn, tạo điều kiện cho các hội, tổ chức phi chính phủ tham gia vào hoạt động trong lĩnh vực hàng hải.

15. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật về hàng hải đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi cả nước; thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của Cục.

16. Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình cải cách hành chính của Cục theo mục tiêu và nội dung chương trình cải cách hành chính nhà nước của Bộ Giao thông vận tải.

17. Tổ chức quản lý bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và sử dụng biên chế được duyệt theo quy định; thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Cục.

18. Cục Hàng hải Việt Nam được sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước cấp, các nguồn thu từ phí, lệ phí, các nguồn thu khác để thực hiện nhiệm vụ được giao và thực hiện quản lý tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật.

19. Chủ trì đề xuất xây dựng mức phí, lệ phí chuyên ngành hàng hải, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực hàng hải do nhà nước quy định để trình cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật.

20. Thực hiện đấu thầu, đặt hàng hoặc giao kế hoạch thực hiện sản xuất, cung ứng sản phẩm và dịch vụ công ích trong lĩnh vực hàng hải theo quy định của pháp luật.

21. Được trực tiếp quan hệ với các cơ quan nhà nước có liên quan để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của pháp luật.

22. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Các tổ chức giúp việc Cục trưởng:

- a) Phòng Kế hoạch - Tài chính;
- b) Phòng An toàn - An ninh hàng hải;
- c) Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng cảng biển;
- d) Phòng Công trình hàng hải;
- đ) Phòng Đăng ký tàu biển và thuyền viên;
- e) Phòng Vận tải và Dịch vụ hàng hải;
- g) Phòng Khoa học - Công nghệ và Môi trường;
- h) Phòng Pháp chế;
- i) Phòng Hợp tác quốc tế;
- k) Phòng Tổ chức cán bộ;
- l) Thanh tra hàng hải;

m) Văn phòng Thường trực của Ban Thư ký IMO Việt Nam;

n) Văn phòng.

2. Các Chi cục Hàng hải:

a) Chi cục Hàng hải tại thành phố Hải Phòng;

b) Chi cục Hàng hải tại thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các Cảng vụ hàng hải:

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các Cảng vụ hàng hải theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam.

4. Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc:

a) Trung tâm Phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải;

b) Trung tâm Thông tin an ninh hàng hải;

c) Trường Cao đẳng Hàng hải 1;

d) Trường Cao đẳng nghề Hàng hải thành phố Hồ Chí Minh;

đ) Tạp chí Hàng hải Việt Nam.

Điều 4. Lãnh đạo

1. Cục Hàng hải Việt Nam có Cục trưởng và không quá 03 Phó Cục trưởng.

2. Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của pháp luật. Các Phó Cục trưởng do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam và theo quy định của pháp luật.

3. Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam là người đứng đầu, chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Cục Hàng hải Việt Nam. Các Phó Cục trưởng chịu trách nhiệm trước Cục trưởng và pháp luật về nhiệm vụ được Cục trưởng phân công.

4. Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các tổ chức trực thuộc Cục.

Điều 5. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 4 năm 2009.

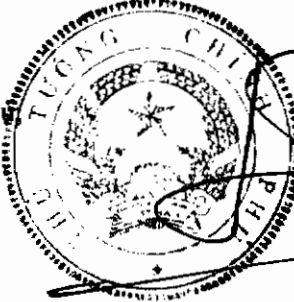
2. Bãi bỏ Quyết định số 269/2003/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Hàng hải Việt Nam.

3. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cục Hàng hải Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, TCCV (5b). XH 290



Nguyễn Tấn Dũng